

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TÂN ĐỊNH NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	265.497	321.856	121,2%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	4.900	5.720	116,7%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	8.575	17.640	205,7%
3	Thu bổ sung	252.022	296.387	117,6%
4	Thu chuyển nguồn		2.109	
II	TỔNG SỐ CHI	265.497	258.814	97,5%
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	255.449	258.814	101,3%
3	Dự phòng	10.048		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG TÂN ĐỊNH NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NS PHƯỜNG	THU NSNN	THU NS PHƯỜNG	THU NSNN	THU NS PHƯỜNG
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	18.015	265.497	129.200	321.856	717,18%	121,23%
I	Các khoản thu 100%	5.765	4.900	104.000	5.720	1803,99%	116,73%
	Phí, lệ phí	525		10.000	480	1904,76%	
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	4.000	4.000	4.000	100,00%	100,00%
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	900	900	15.000	900	1666,67%	100,00%
	Thu khác	340		75.000	340	22058,82%	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.250	8.575	25.200	17.640	205,71%	205,71%
1	Các khoản thu phân chia	12.250	8.575	25.200	17.640	205,71%	205,71%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	12.250	8.575	25.200	17.640	205,71%	205,71%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				2.109		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	252.022	-	296.387		

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TÂN ĐỊNH NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	265.497	-	265.497	258.814	-	258.814	97,5%	-	97,5%
	Trong đó	-			-					
1	Chi giáo dục	152.270		152.270	136.371		136.371	89,6%		89,6%
2	Chi an ninh	7.878		7.878	6.307		6.307	80,1%		80,1%
3	Chi quốc phòng	10.979		10.979	11.603		11.603	105,7%		105,7%
4	Chi y tế, dân số và gia đình	8.436		8.436	6.976		6.976	82,7%		82,7%
5	Chi văn hóa, thông tin	1.226		1.226	1.094		1.094	89,2%		89,2%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
7	Chi thể dục thể thao	111		111	87		87	78,4%		78,4%
8	Chi bảo vệ môi trường	1.264		1.264	120		120	9,5%		9,5%
9	Chi các hoạt động kinh tế	914		914	914		914	100,0%		100,0%
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	64.884		64.884	84.848		84.848	130,8%		130,8%
11	Chi cho công tác xã hội	6.237		6.237	10.494		10.494	168,3%		168,3%
12	Chi khác	1.250		1.250	-					
13	Dự phòng ngân sách	10.048		10.048	-			0,0%		0,0%

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN ĐỊNH



Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TÂN ĐỊNH NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	265.497	321.856	121,2%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	4.900	5.720	116,7%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	8.575	17.640	205,7%
3	Thu bổ sung	252.022	296.387	117,6%
4	Thu chuyển nguồn		2.109	
II	TỔNG SỐ CHI	265.497	258.814	97,5%
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	255.449	258.814	101,3%
3	Dự phòng	10.048		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG TÂN ĐỊNH NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NS PHƯỜNG	THU NSNN	THU NS PHƯỜNG	THU NSNN	THU NS PHƯỜNG
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	18.015	265.497	129.200	321.856	717,18%	121,23%
I	Các khoản thu 100%	5.765	4.900	104.000	5.720	1803,99%	116,73%
	Phí, lệ phí	525		10.000	480	1904,76%	
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	4.000	4.000	4.000	100,00%	100,00%
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	900	900	15.000	900	1666,67%	100,00%
	Thu khác	340		75.000	340	22058,82%	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.250	8.575	25.200	17.640	205,71%	205,71%
1	Các khoản thu phân chia	12.250	8.575	25.200	17.640	205,71%	205,71%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	12.250	8.575	25.200	17.640	205,71%	205,71%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				2.109		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	252.022	-	296.387		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TÂN ĐỊNH NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	265.497	-	265.497	258.814	-	258.814	97,5%	-	97,5%
	Trong đó	-			-					
1	Chi giáo dục	152.270		152.270	136.371		136.371	89,6%		89,6%
2	Chi an ninh	7.878		7.878	6.307		6.307	80,1%		80,1%
3	Chi quốc phòng	10.979		10.979	11.603		11.603	105,7%		105,7%
4	Chi y tế, dân số và gia đình	8.436		8.436	6.976		6.976	82,7%		82,7%
5	Chi văn hóa, thông tin	1.226		1.226	1.094		1.094	89,2%		89,2%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
7	Chi thể dục thể thao	111		111	87		87	78,4%		78,4%
8	Chi bảo vệ môi trường	1.264		1.264	120		120	9,5%		9,5%
9	Chi các hoạt động kinh tế	914		914	914		914	100,0%		100,0%
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	64.884		64.884	84.848		84.848	130,8%		130,8%
11	Chi cho công tác xã hội	6.237		6.237	10.494		10.494	168,3%		168,3%
12	Chi khác	1.250		1.250	-					
13	Dự phòng ngân sách	10.048		10.048	-			0,0%		0,0%



Thuyết minh ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

1. Tình hình thu, chi ngân sách năm 2025

a) Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước

Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước được giao năm 2025 là 129.200 triệu đồng, đạt 717,18% dự toán theo chỉ tiêu Ủy ban nhân dân Thành phố giao; chi tiết các khoản thu như sau:

ĐV: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán thu NSNN được giao	Ước Thực hiện năm 2025	So sánh %
A	1	2	3=2/1
Tổng số	18.015	129.200	717,18
1. Lệ phí trước bạ nhà đất	12.250	25.200	205,71
2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	4.000	100
3. Phí - lệ phí	525	10.000	1.904,76
4. Lệ phí môn bài	900	15.000	1.666,66
5. Thu khác ngân sách	340	75.000	22.058,82

b) Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách phường

Ước thu ngân sách phường năm 2025 là 321.856 triệu đồng, đạt 121,22% dự toán (321.856 triệu đồng/265.497 triệu đồng), bao gồm:

- Thu ngân sách được hưởng theo tỷ lệ điều tiết là 23.360 triệu đồng, đạt 173,35% dự toán (23.360 triệu đồng/13.475 triệu đồng).
- Thu chuyển nguồn 2.109 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách Thành phố: 296.387 triệu đồng, đạt 117,60 % dự toán (296.387 triệu đồng/252.022 triệu đồng).

c) Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách

Dự toán chi ngân sách bố trí dự toán bảo đảm chính sách, chế độ, an sinh xã hội, thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2025. Ước thực hiện chi ngân sách năm 2025 là 258.814 triệu đồng, đạt 97,48% dự toán; chi tiết các khoản chi như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán	Thực hiện	So sánh %
A	1	2	3=2/1
Tổng số	265.497	258.814	97,48
Chi thường xuyên	265.497	258.814	97,48
1. Chi các hoạt động kinh tế	914	914	100
2. Chi bảo vệ môi trường	1.264	120	9,49
3. Chi giáo dục - đào tạo	152.270	136.371	89,55
4. Chi y tế, dân số	8.436	6.976	82,70
5. Chi văn hóa thông tin	1.226	1.094	89,26
6. Chi thể dục thể thao	111	87	78,38
7. Chi bảo đảm xã hội	6.237	10.494	168,26
8. Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể	64.884	84.848	130,76
9. Chi quốc phòng	10.979	11.603	105,68
10. Chi an ninh, trật tự an toàn xã hội	7.878	6.307	80,07
11. Chi khác	1.250		
12 Dự phòng ngân sách	10.048		

Trong năm, Ủy ban nhân dân Thành phố đã bổ sung dự toán ngân sách cho Ủy ban nhân dân phường Tân Định để thực hiện nhiệm vụ: 44.365 triệu đồng, bao gồm: Kinh phí chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP: 15.946 triệu đồng; kinh phí tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9: 5.120 triệu đồng; kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP: 1.365 triệu đồng; kinh phí tặng quà kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh liệt sĩ: 780 triệu đồng; kinh phí thực hiện NQ 342/NQ-HĐND: 508 triệu đồng; kinh phí tăng định mức chi hoạt động thường xuyên: 3.455 triệu đồng; kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân: 752 triệu đồng; kinh phí phụ cấp hàng tháng Khu, ấp đội trưởng, trợ cấp ngày công lao động tăng thêm DQTT và DQ khi làm nhiệm vụ theo NQ 398/NQ-HĐND ngày 28/8/2025: 1.515 triệu đồng; trợ cấp xã hội, hưu trí theo NQ 35, 36/NQ-HĐND ngày 28/8/2025: 5.960 triệu đồng; kinh phí chính sách phát triển giáo dục mầm non: 486 triệu đồng; kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo NQ 27/2025/NQ-HĐND: 4.269 triệu đồng; trang bị hạ tầng công nghệ thông tin: 4.209 triệu đồng.